

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II
MÔN: TOÁN 8 (2023-2024)
THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút

TT	Chương/Chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	PHÂN THỨC ĐẠI SỐ	Khái niệm, tính chất của phân thức	TN 1,2,3,4 1đ								2,5đ 25%
		Các phép toán trên phân thức đại số.		TL 1a 0,75đ		TL 1b 0,75đ					
2	PHƯƠNG TRÌNH BẬC NHẤT VÀ HÀM SỐ BẬC NHẤT	Phương trình bậc nhất một ẩn, giải bài toán bằng cách lập phương trình	TN 5,6 0,5đ			TL 3a 0,75đ					3đ 30%
		Hàm số bậc nhất và đồ thị của hàm số bậc nhất.	TN 7,8 0,5đ	TL 2a 0,5đ		TL 2b 0,75đ					
3	MỘT SỐ YẾU TỐ XÁC SUẤT	Mô tả xác suất của biến cố ngẫu nhiên trong một số ví dụ đơn giản. Mỗi liên hệ giữa xác suất thực nghiệm của một biến cố						TL 3b 0,75đ			0,75đ 7,5%

		với xác suất của biến cố đó									
4	TAM GIÁC ĐỒNG DẠNG	Tam giác đồng dạng Hình đồng dạng. Định lí Pythagore	TN 9, 10 0,5đ		TN 11 0,25đ	VỀ HÌNH 0,5đ		TL 4a,b 1,5đ		TL 4c 0,75đ	3,5đ 35%
5	MỘT SỐ HÌNH KHỐI TRONG THỰC TIỄN	Hình chóp tam giác đều	TN 12 0,25đ								0,25đ
		Hình chóp tứ giác đều									2,5%
Tổng			11	2	1	4		3		1	22
Tỉ lệ phần trăm			40%		30%		22,5%		7,5%		100%
Tỉ lệ chung			70%				30%				100%

BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II
MÔN: TOÁN - LỚP: 8 (2023-2024)
THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút

TT	Chương /Chủ đề	Nội dung/đơn vị kiểm thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				NB	TH	VD	VDC
1	Phân thức đại số	Khái niệm phân thức đại số, Tính chất cơ bản của phân thức đại số	Nhận biết: - Nhận biết được các khái niệm cơ bản về phân thức đại số: định nghĩa; điều kiện xác định; giá trị của phân thức đại số; hai phân thức bằng nhau. - Mô tả được những tính chất cơ bản của phân thức đại số.	4 (TN1,2,3,4)			
		Các phép tính cộng, trừ, nhân, chia của phân thức đại số	Thông hiểu: Thực hiện được các phép tính: phép cộng, phép trừ, phép nhân, phép chia đối với hai phân thức đại số.	1 (TL 1a)	1 (TL 1b)		
2	Phương trình bậc	Phương trình bậc nhất một ẩn. Giải bài	Nhận biết: Biết được khái niệm phương trình bậc nhất một ẩn	2 (TN 5,6)			

	nhất và hàm số bậc nhất	toán bằng cách lập phương trình	Thông hiểu: – Hiểu được khái niệm phương trình bậc nhất một ẩn và cách giải.		2 (TL 3a)		
			Vận dụng: -Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với phương trình bậc nhất (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí, các bài toán liên quan đến Hoá học,...).				
		Khái niệm hàm số và đồ thị hàm số.Hàm số bậc nhất và đồ thị của hàm số bậc nhất.Hệ số góc của đường thẳng.	Nhận biết: – Nhận biết được hàm số bậc nhất $y = ax + b$ ($a \neq 0$).	2 (TN7,8) 1 (TL 2a)			
			Thông hiểu: – Vẽ được đồ thị của hàm số bậc nhất $y = ax + b, (a \neq 0)$		1 (TL 2b)		
3	Mở đầu về tính xác suất của biến cố	Kết quả có thể và kết quả thuận lợi. Cách tính xác suất của biến cố bằng tỉ số.	Vận dụng: Ước lượng xác suất của một biến cố bằng xác suất thực nghiệm; ứng dụng trong một số bài toán đơn giản.			1 (TL 3b)	
4	Tam giác đồng	Trường hợp đồng dạng của hai tam giác	Nhận biết: – Mô tả được định nghĩa của hai tam giác đồng dạng.	2 (TN 9,10)	1 (TN 11)		

	dạng		– Tỉ số đồng dạng của 2 tam giác,				
			Thông hiểu: – Giải thích được các trường hợp đồng dạng của hai tam giác, của hai tam giác vuông.				
			Vận dụng: -Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc vận dụng kiến thức về hai tam giác đồng dạng (ví dụ: tính độ dài đường cao hạ xuống cạnh huyền trong tam giác vuông bằng cách sử dụng mối quan hệ giữa đường cao đó với tích của hai hình chiếu của hai cạnh góc vuông lên cạnh huyền; đo gián tiếp chiều cao của vật; tính khoảng cách giữa hai vị trí trong đó có một vị trí không thể tới được,...). Tính được độ dài cạnh trong tam giác vuông bằng cách sử dụng định lý Pythagore.			2 (TL 4a,4b)	
			Vận dụng cao: -Vận dụng linh hoạt chứng minh hình học				1 (TL4c)
5	Một số hình khối trong thực	Hình chóp tam giác đều. Hình chóp tứ giác đều.	Nhận biết: Biết công thức tính diện tích xung quanh và thể tích hình chóp tam giác đều và hình chóp tứ giác đều.	1 (TN12)			

	tiền						
Tổng				13	5	3	1
Tỉ lệ %				40%	30%	22,5%	7,5%
Tỉ lệ chung				70%			30%